

SỰ TRUYỀN BÁ GIA LỄ Ở JOSEON VÀ VIỆT NAM QUA “SÁCH HÀNH LỄ”^(*)

(Tiếp theo)

Hsu Yi-Ling (Hứa Di Linh)^(**)

^(**) Phó giáo sư, tiến sĩ, Đại học Văn hóa Trung Quốc (Chinese Cultural University).

Email: xyl5@ulive.pccu.edu.tw

Tóm tắt: *Gia lễ* do Chu Hi biên soạn, bao gồm thông lễ, quan lễ, hôn lễ, tang lễ, tế lễ, là cảm nang cho “đời sống theo phương thức Nho giáo”, tạo thành đặc điểm chung của văn hóa Đông Á. Đương nhiên, sự tiếp nhận *Gia lễ* của các quốc gia Đông Á đều có những hình thức và đặc điểm riêng của mình. Mục đích của bài viết này là thông qua khái quát về loại hình trước tác *Gia lễ* Việt Nam và Joseon để làm rõ phương thức tồn tại khác biệt của *Gia lễ* ở hai nước Việt Nam và Hàn Quốc. Về phương pháp nghiên cứu, bài viết này chú trọng “sách chú giải” với sự khảo chứng và truyền đạt tri thức, đồng thời coi trọng khái niệm “sách hành lễ” với tính thuận tiện thực tiễn, để so sánh loại hình trước tác *Gia lễ* được bản địa hóa ở Việt Nam và Hàn Quốc, cũng như lý giải vai trò của nó.

Từ khóa: *Gia lễ*, Joseon, Việt Nam, sách hành lễ, *Thọ Mai gia lễ*.

Ngày nhận bài: 20/07/2025; ngày phản biện: 21/07/2025; ngày sửa chữa: 15/08/2025; ngày duyệt đăng: 20/08/2025.

3. “Sách hành lễ” tiêu biểu của Việt Nam

3.1. *Gia lễ bản đại toàn* và *sách hành lễ Việt Nam*

Tìm hiểu về sự truyền bá *Gia lễ* ở Việt Nam, giai đoạn đầu tiên là sự du nhập của bản gốc. Năm 1407, hoàng đế Vĩnh Lạc nhà Minh đánh bại triều đại nhà Hồ của Việt Nam, khiến Việt Nam rơi vào thời kỳ thuộc Minh kéo dài 20 năm (1407-1427). Cùng năm 1419, năm mà Joseon được ban 3 bộ đại toàn, lúc này Việt Nam đang đặt dưới sự cai trị của nhà Minh, triều đình nhà Minh cũng ban 3

bộ đại toàn đến trường học ở các huyện, châu, phủ của Việt Nam (khi đó gọi là quận Giao Chi). Nhưng, tình hình du nhập của *Gia lễ* vào Việt Nam rất khác so với Joseon, về căn bản thì sự du nhập này không có quan hệ sâu sắc với *Tính lý đại toàn*. Chúng tôi từng có bài viết bàn về tình hình lưu truyền của *Tính lý đại toàn* ở Việt Nam, phát hiện ra rằng, mặc dù trong các sử liệu từ thế kỷ XV - XIX

^(*) Bài viết lấy từ Kỳ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế “*Văn hóa gia đình Nho giáo và hệ giá trị gia đình đương đại*” do Viện Triết học chủ trì tổ chức ngày 21-22 tháng 9 năm 2024, tại Hà Nội.

có ghi chép về việc khắc in *Tứ thư đại toàn* và *Ngũ kinh đại toàn* theo đường quan phương, nhưng khó có thể tìm được thông tin liên quan đến *Tính lý đại toàn* (Xem: Hứa Di Linh 2018: 51).

Sự du nhập của *Tính lý đại toàn* hoàn toàn không phải là động lực cho việc phổ cập *Gia lễ* ở Việt Nam, cho đến nay, giới học thuật cũng không hề nói về “bản gốc” của *Gia lễ* ở Việt Nam, mà chỉ mới lựa ra những tác phẩm *Gia lễ* được trích dẫn, như Shimao Minoru chỉ ra rằng *Gia lễ* của Việt Nam tiếp nhận các sách như *Gia lễ hoặc vấn tu tri* do Vương Thế Trinh hiệu chỉnh, *Trùng khắc Thân Các Lão hiệu chỉnh Chu Văn Công gia lễ chính hành* (sau gọi tắt là *Gia lễ chính hành*) do Bành Tân hiệu chỉnh, *Văn Công gia lễ nghi tiết* của Dương Thận v.v. (Xem: Shimao Minoru 2010: 113-116). Chúng tôi mạnh dạn suy đoán rằng, có thể *Gia lễ* ở Việt Nam không hề có “một bản gốc”, mà là tổng hợp các sách khác nhau mà thành¹⁴.

Nếu như có “một bản gốc có tính quyền uy”, thì đến giai đoạn truyền bá thứ hai lẽ ra có thể thấy bản gốc đó được lưu hành và khắc in ở Việt Nam. Nhưng *gia lễ* Trung Quốc rất hiếm khi được bắt gặp ở Việt Nam. Dựa vào việc khảo sát thư mục, Lưu Ngọc Quận tìm trong 514 điển tịch Trung Quốc bản ở Việt Nam hiện tồn đều không thấy¹⁵, chúng tôi chỉ biết có hai cuốn là tập thứ hai “*Gia lễ tập thành*” của *Thù thế cấm nang* được lưu giữ tại Viện Thông tin Khoa học xã hội¹⁶ và cuốn *Văn Công gia lễ nghi tiết* của Dương Thận hiện

được lưu giữ bởi nhà sưu tập Hứa Xán Hoàng¹⁷. Căn cứ vào các thư mục để khảo sát, các thư mục truyền thống như “Nghệ văn chí” trong Đại Việt thông sử, “Văn tịch chí” trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, v.v., không có ghi chép về *Gia lễ* Trung Quốc¹⁸. Chỉ có “Thư mục các bản sách Bắc thư Nam án” của Trần Văn Giáp (1898-1973) là có ghi chép về *Tính lý đại toàn*¹⁹. Những

¹³ “Tang lễ hoàn toàn dùng *Bị yếu* mà lược bỏ những chỗ rườm rà, chỉnh sửa những chỗ sai lầm, tế lễ cũng dựa vào *Bị yếu*, có sửa chữa, thêm thắt một chút. Công việc hoàn tất, đặt tên sách là *Gia lễ tập yếu*, gồm tất cả 3 cuốn, như vậy rồi thiên chương mới có trật tự mà không có cái tế chia cắt vụn vặt, nghi văn liên mạch mà không có thiếu sót” (Jeong Jung-gi: 168-169).

¹⁴ Chúng tôi không chủ trương rằng *Gia lễ* ở Việt Nam không có nguồn tham khảo, nhưng tỷ lệ chiếm bao nhiêu thì có thể gọi là “bản gốc” lại là vấn đề cần phải xem xét khi nghiên cứu *Gia lễ* ở Việt Nam. Chẳng hạn, nếu như nguồn văn bản có 3 loại, mỗi loại chiếm 1/3, thì khó có thể gọi bất cứ nguồn văn bản nào trong số đó là “bản gốc”.

¹⁵ Lưu Ngọc Quận khảo sát văn hiến Hán Nôm được lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Văn học, Viện Sử học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Thư viện Quốc gia Việt Nam, Viện Văn Đông Bác Cổ, Phòng Thủ bản của Thư viện Quốc gia Pháp, Thư viện của Hội Châu Á học Pháp, tham khảo thêm Đông Dương văn khố An Nam bản mục lục và *Cổ thư viện thư tịch thủ sách*, bổ sung thêm số lượng điển tịch Trung Quốc bản Việt Nam từ con số 500 trong *Việt Nam Hán Nôm văn hiến thư mục để yếu* lên thành 514 (Xem: Lưu Ngọc Quận 2007: 35-40).

¹⁶ Kí hiệu HN00001501.

¹⁷ Hứa Xán Hoàng là nhà sưu tập văn hiến và văn vật Việt Nam ở Đài Loan (Trung Quốc), có lưu trữ một cuốn *Văn Công gia lễ nghi tiết* mua được ở Việt Nam, trên bìa có dán giấy đỏ ghi mấy chữ “Nhân Sơn thôn”.

¹⁸ Tác phẩm *gia lễ* học được ghi chép lại trong Lịch triều hiến chương loại chí, “Văn tịch chí” (Đông Dương văn khố tàng bản) là Hồ Thượng thư *gia lễ*, tác phẩm do người địa phương ở Việt Nam biên soạn, đây là bản *gia lễ* cổ tính bản địa được biên soạn ở Việt Nam.

¹⁹ Thư mục các bản sách Bắc thư Nam án hiện nay chỉ còn bản sao kí hiệu 2691 lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, bài viết này tham khảo Thư mục các bản sách Bắc thư Nam án được Trần Ích Nguyên chỉnh lý, trong đó, số thứ tự thứ 204 là *Tính lý đại toàn* (Xem: Trần Ích Nguyên 2011: 75).

manh mối này xét về mặt số lượng cũng nghiêng về giả thuyết không có một bản gốc rõ ràng.

Giai đoạn truyền bá thứ ba là giai đoạn xuất hiện trước tác gia lễ học của Việt Nam. Theo nghiên cứu của Lưu Bách Hoàng, trước tác gia lễ học được lưu truyền ở Việt Nam có 17 cuốn (Xem: Lưu Bách Hoàng 2022: 136), nếu loại trừ *Tang lễ sự nghi*²⁰ là tư liệu tang lễ thực tế, thì còn 16, niên đại chủ yếu phân bố trong khoảng từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XX. Khoảng thời gian này với thời điểm năm 1419 là năm được ban *Gia lễ* bản đại toàn cách nhau quá xa, điều đó chứng minh rằng giữa bản *Gia lễ* này với các trước tác gia lễ học Việt Nam không liên quan đến nhau. Trong số 16 trước tác này, có 3 cuốn thuộc loại sách hành lễ, là *Tiếp kính gia lễ*, *Hồ Thượng Thư gia lễ* và *Thọ Mai gia lễ*, cả ba tác phẩm này đều có sách do thư phòng khắc in lưu truyền, *Thọ Mai gia lễ* thậm chí còn có hơn 22 bản in²¹, trong thế kỷ XIX - XX ít nhất cũng có 14 thư phòng khắc in²², có thể xem là thư tịch được lưu truyền rộng rãi nhất ở Việt Nam. 13 trước tác gia lễ học còn lại, theo nghĩa rộng, có thể xem là nghiên cứu gia lễ học của các học giả, nhưng đều là bản chép tay, khả năng lưu truyền không thể so sánh được với sách hành lễ.

Trước khi cuốn sách hành lễ đầu tiên *Tiếp kính gia lễ* được in năm 1707, *Gia lễ* đã được truyền vào Việt Nam, ví dụ nổi tiếng là *Giáo hóa tứ thập thất điều* do Chúa Trịnh ở Đàng Ngoài ban bố vào năm 1663, trong đó, điều thứ 41 là: “Tang gia trong tiết Trung nguyên phải

tuân theo *Gia lễ*, không được dựa vào có điều tang mà hát xướng”²³. 47 điều giáo hóa tuy rất cuộc không đạt được hiệu quả²⁴, nhưng sự du nhập vào Việt Nam của *Gia lễ* là điều không có gì phải nghi ngờ, chỉ là trước thế kỷ XVIII, dân chúng ở Việt Nam có lẽ khó có thể tận mắt nhìn thấy văn bản *Gia lễ*. Sách gia lễ mua được từ Trung Quốc, hoặc một số

²⁰ Tang lễ sự nghi là tang lễ do Bộ Lễ chế định khi vua Khải Định băng hà ngày 20 tháng 9 năm 1925, trong sách quy định các nghi thức từ bái khốc, cúng tế đến nhập liệm. Lê Phương Duy từng đưa ra ý kiến cho rằng cuốn sách này không thuộc về nhóm trước tác gia lễ, chúng tôi cũng đồng ý với quan điểm này (Xem: Lê Phương Duy 2012: 26).

²¹ Tham khảo Kho tư liệu “Việt Nam Hán Nôm văn hiến thư mục đề yếu” do Viện Nghiên cứu Trung ương xây dựng, mục Thọ Mai gia lễ ghi có 21 bản in, truy cập lần cuối vào ngày 3/2/2025. Bản thứ 22 là bản tổng hợp gồm cả Hồ Thượng thư gia lễ và Thọ Mai gia lễ, bản lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu AB.592.

²² 14 thư phòng lần lượt là Hữu Văn Đường (trùng san – 1851), Nguyễn Văn Đường (trùng san – 1852), Cẩm Văn Đường (trùng san – 1866), Thành Văn Đường (trùng san – 1877), Thịnh Nghĩa Đường (trùng san – 1897), Quan Văn Đường (trùng san – 1897, 1916), Tụ Văn Đường (trùng san – 1897, tân san – 1939), Thịnh Văn Đường (trùng san – 1917, 1928), Phúc An Hiệu (tân san – 1920), Phú Văn Đường (tân san – 1921), Phúc Văn Đường (tân san – 1928); ngoài ra, thư phòng chưa rõ địa điểm có Quan Văn Đường (trùng san – 1916), Thịnh Văn Đường (trùng san – 1928), Tụ Văn Đường (tân san – 1939) (Xem: Vũ Việt Bằng 2018: 435, 442-444).

²³ Giáo hóa tứ thập thất điều được trích dẫn trong bài viết này lấy từ sự hiệu chỉnh của Trần Kinh Hòa đối với hai bản Lê triều chiếu lệnh thiện chính (Khoa Luật học thuộc Đại học Sài Gòn xuất bản, 1961) và Dịch thuật từng thư (Bộ Quốc gia Giáo dục, 1962) (Xem thêm: Trần Kinh Hòa 1992: 90-99).

²⁴ “Đầu niên hiệu Cảnh Trị, Phạm Công Trứ chấp chính, phụng mệnh làm ra 7 điều giáo hóa, mỗi xã đều lập quan trị lý, cứ đến ngày đầu năm thì chia ruộng, hằng ngày đều đọc pháp luật. Sau nhiều rối loạn, việc này bê trễ mà bị bỏ đi không thi hành nữa, đến nay lại có lệnh chỉnh đốn lại, nhưng lòng người đã quen nhân nhả, chỉ xem như là việc thường mà thôi”. Khâm định Việt sử thông giám cương mục, quyển 41, 14b, tháng 7 năm Cảnh Hưng thứ 12 (1751). Bản lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam, ký hiệu R.253.

ít sách được khắc in tại Việt Nam, như *Tĩnh lý đại toàn*, đều có số lượng rất ít ỏi, cái gọi là “Gia lễ” có lẽ chỉ là thứ tri thức truyền miệng, cho đến thế kỷ XVIII, khi những bản khắc sách hành lễ của các thư phòng như *Tiếp kính gia lễ* xuất hiện, thì *Gia lễ* mới có dịp để trở thành thứ văn bản có thể dễ dàng tiếp cận. Khác với Joseon, sách hành lễ ở Việt Nam không phải là sách dùng để hỗ trợ cho việc giải thích *Gia lễ*, mà đã trở thành nguồn văn bản duy nhất của *Gia lễ*. Như vậy, sự xuất hiện của sách hành lễ là cột mốc quan trọng của gia lễ học Việt Nam, đồng thời cũng cho thấy tầm quan trọng của việc nghiên cứu sách hành lễ. Dưới đây, bài viết sẽ trình bày sơ lược về nội dung của ba cuốn sách hành lễ ở Việt Nam, và đặc trưng của mỗi cuốn.

3.2. Khởi đầu của sách hành lễ: “Tiếp kính gia lễ”

Tiếp kính gia lễ có một bản in lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu AB.572, phần san ký ghi “Lê triều Vĩnh Thịnh tam niên cốc nhật”, tức năm 1707. Phần san ký không cho biết về tên tác giả, *Thọ Mai gia lễ* cho rằng tác giả là “Ngô Sĩ Bình người xã Tam Sơn huyện Đông Ngạn”²⁵, thông tin cụ thể hiện không rõ. *Tiếp kính gia lễ* không phân thành chương tiết, căn cứ vào nội dung có thể phân chia thành: (1) San ký, trang 1a; (2) Hình vẽ về chế độ ngũ phục, trang 1b-7a; (3) Chế độ ngũ phục cho cửu tộc bản tông, trang 7b-29b. Trong văn bản tác phẩm, có chữ Nôm xen giữa chữ Hán, phần chữ Hán là văn bản *Gia lễ Trung Quốc*, phần chữ Nôm

là phần thuyết minh. Chẳng hạn, ở điều “vi cao tổ phụ”, tổng cộng có 3 tầng văn bản. Tầng thứ nhất là Hán văn: “nhất phục cao tổ phụ mẫu”; tầng thứ hai là hai hàng chữ Hán nhỏ chú giải: “cao tổ phụ tức đại đại công, cao tổ mẫu tức đại đại bà”; tầng thứ ba giải thích thêm một lần nữa bằng chữ Nôm. (4) Tang lễ, trang 30a-68a, trình bày cụ thể từ “tiểu liệm” đến “đạm”. Điều đáng chú ý là lễ 49 ngày xuất hiện ở trang 41b và nghi tiết trung nguyên xuất hiện ở trang 42a, những lễ mang tính chất Phật giáo này vốn không phải là nội dung của *Gia lễ*, hơn nữa còn trái với chủ trương “không làm Phật sự” của Chu Hi. *Gia lễ* do Chu Hi giản lược *Nghi lễ* mà thành, nhưng trong *Gia lễ*, Chu Hi đã thêm vào quy định “không làm Phật sự” vốn không có trong *Nghi lễ*, đồng thời lại dẫn *Thu nghi* của Tư Mã Quang, phê phán những nghi lễ Phật sự, mà đứng hàng đầu là lễ 49 ngày và lễ 100 ngày. Lập trường của Chu Hi là rõ ràng, nhưng *Tiếp kính gia lễ* lại đưa vào lễ 49 ngày và lễ trung nguyên, thể hiện thái độ không câu nệ vào thuyết của Chu Hi. (5) Tế lễ, trang 68b-72a, bao gồm “cát tế nghi tiết” và “tế thần nghi”. (6) Âm thích, trang 72a-74a.

Nói tóm lại, sách hành lễ của gia lễ ở Việt Nam bắt đầu từ *Tiếp kính gia lễ*, thiết lập nên 5 đặc trưng dưới đây: do thư phòng khắc in, dùng nhiều chữ Nôm, tang lễ là chủ yếu, tế lễ là phụ

²⁵ “Bản triều năm Vĩnh Thịnh thứ ba Ngô Sĩ Bình người xã Tam Sơn huyện Đông Ngạn soạn *Tiếp kính gia lễ* và khắc in ở đời” (Hồ Thượng thư gia lễ (bao gồm *Thọ Mai gia lễ*): 80a-80b).

thêm, đa giáo, trích dẫn gia lễ Minh – Thanh. Những đặc trưng này hoàn toàn khác với sách hành lễ của Joseon: do nhà nước khắc in, dùng nhiều chữ Hán, có đầy đủ cả tứ lễ, chi đề cao Nho giáo, lấy Đại toàn làm bản gốc. Nếu so sánh với sách hành lễ ở Joseon thời kỳ đầu trước hết chú trọng tế lễ, thì trong sách hành lễ ở Việt Nam, tang lễ chiếm hầu hết tỷ trọng, phần tế lễ chỉ có một nội dung nhỏ. Nếu như từ “gia lễ” ở Trung Quốc và Joseon có ý chỉ “sách Nho lễ”, thì từ “gia lễ” ở Việt Nam lại có ý chỉ “sách nói về việc tang, táng”, nội dung tang, táng có thể vượt ra khỏi phạm trù Nho học. Còn những trước tác gia lễ học nếu có chứa nội dung ngoài tang lễ, thì được gọi bằng tên khác như “tam lễ” hoặc “tứ lễ”, chẳng hạn như *Tam lễ tập yếu*¹³ hoặc *Tứ lễ lược tập*²⁷.

Về lễ 49 ngày và nghi tiết trung nguyên trong *Tiếp kính gia lễ*, Shimao Minoru chỉ ra đó không phải là sự sáng tạo riêng, mà là do tiếp nhận *Gia lễ chính hành* của Bành Tân thời nhà Minh (Xem: Shimao Minoru 2010: 114-116), nội dung là lễ dâng rượu lần đầu, lần thứ hai và lần cuối theo phương thức Nho giáo, có thể nói là ngày lễ của Phật giáo đã dung hợp với lễ của Nho. Chẳng hạn, khi nói về tiết Trung nguyên, Việt Nam và Joseon đều từng trải qua thời kỳ Phật giáo giữ địa vị chủ đạo, vì thế, người dân hai nước đều có tập quán đón tiết Trung nguyên. Đông quốc tuế thời ký của Joseon thế kỷ XIX ghi chép lại: “Cao Ly tôn sùng Phật, đến ngày này đều tổ chức hội Vu Lan Bồn, nay có phong tục dọn cơm chay cúng

lễ. Phong tục trong nước coi tiết Trung nguyên là ngày dành cho vong hồn, cho nên dân chúng buổi tối chuẩn bị rau, quả, cơm, rượu, mời gọi vong hồn người thân” (Hong Seok-mo 1911: 38). Nhưng, mặc dù Joseon có tập tục đón tiết Trung nguyên, Kim Jang-saeng cũng từng đọc *Gia lễ chính hành*²⁸, nhưng không đưa nó vào *Gia lễ*, bởi vì điều này trái với tôn chỉ của Chu Hi.

Tiếp kính gia lễ ở Trung Quốc có thể nói là văn hiến hiếm thấy, tuy ở cả Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam đều có thể thấy tàng bản của nó, hoặc thấy nó được trích dẫn²⁹, nhưng ảnh hưởng của nó ở Việt Nam là rõ ràng nhất. Ngoài tiết Trung nguyên, Shimao Minoru chỉ ra cả ngũ phục trong *Tiếp kính gia lễ* cũng tiếp nhận phương thức giải thích của *Gia lễ chính hành*. Ngũ phục trong nguyên bản *Chu Tử gia lễ* được giải thích căn cứ trên mối quan hệ xa gần giữa người mất và người chịu tang, trước tiên phân định chế độ tang phục một cách chi tiết: trăm thôi (3 năm), tư

²⁶ Viện Nghiên cứu Hán Nôm lưu giữ ba bản chép tay ký hiệu A.1915, A.1599, A.1281.

²⁷ Viện Nghiên cứu Hán Nôm lưu giữ hai bản chép tay ký hiệu A.1016, VHv.1166.

²⁸ Như Song Chun-gil (1606-1672) từng dò hỏi thầy của mình là Kim Jang-saeng, Chu Tử gia lễ ở lúc “tử hậu thô” chưa từng đề cập đến việc dâng hương, vì sao Tang lễ bị yếu của thầy lại yêu cầu dâng hương? Kim Jang-saeng trả lời rằng, tuy chưa thật rõ ràng, nhưng Nghi tiết và Gia lễ chính hành đều ghi chép như vậy, cho nên bảo lưu (Xem: Song Chun-gil: 294-295).

²⁹ Trong tàng bản của Nhật Bản công văn thư quán, bản có ký hiệu 274-0096 ghi chú là bản lưu cũ của Sở học văn Xương Bình thời Edo, bản có ký hiệu 013-0007 ghi chú là bản lưu cũ của Hồng Diệp Sơn văn khổ thời Edo.

thôi (1 năm, 5 tháng, 3 tháng), đại công (9 tháng), tiểu công (5 tháng), ti ma (3 tháng), rồi sau giải thích rõ về đối tượng của từng bậc; mà *Tiếp kính gia lễ* giống với *Gia lễ chính hành*, lấy mối quan hệ giữa người chịu tang và người mất làm trục chính, như “phục cao tổ phụ mẫu”, rồi giải thích rõ về chế độ trang phục (Xem: Shimao Minoru 2010: 113-116). Từ những bộ phận này có thể thấy được sự tiếp nhận các văn bản có tính thông tục hóa như *Gia lễ chính hành* của sách hành lễ ở Việt Nam.

3.3. Sách hành lễ do tầng lớp tinh hoa biên soạn: Hồ Thượng Thư gia lễ

Hồ Thượng Thư gia lễ còn gọi là *Quốc ngữ gia lễ*, do đại thần dưới triều Lê - Trịnh thế kỷ XVII Hồ Sĩ Dương (1622-1682) biên soạn, thiên “Văn tịch chí” trong *Lịch triều hiến chương loại chí* viết “Vĩnh Hữu Trung Thượng thư Hồ Sĩ Dương soạn, Tứ Kỳ Tri phủ Chu Bá Đàng san hành”. Hiện nay đã biết được có một bản chép tay³⁰, 2 bản in, lần lượt là bản in năm 1739 và 1767³¹. Shimao Minoru cho biết ở Đại học Keio có lưu giữ bản in năm 1763, chúng tôi hiện chưa có thông tin cụ thể (Xem: Shimao Minoru 2010: 104).

Bản sớm nhất năm 1739 là bản in chung của *Hồ Thượng thư gia lễ* và *Thọ Mai gia lễ*, cả cuốn sách không phân chương tiết. *Hồ Thượng thư gia lễ* giống với *Tiếp kính gia lễ* ở chỗ đều bỏ đi yêu cầu “không làm Phật sự” và bổ sung

thêm “Trung nguyên nghi tiết”, trang 34b³², nhưng không ghi chép gì về lễ 49 ngày và 100 ngày. (4) Tế lễ “Phân hoàng cáo tế nghi”, trang 37b đến 39b³³. Lễ Phân hoàng không có trong *Gia lễ*, nhưng hết sức phổ biến trong gia lễ thời nhà Minh, *Văn Công gia lễ nghi tiết* và *Gia lễ chính hành* đều có (Xem: Shimao Minoru 2010: 115). Ngoài ra, còn có “Cải táng”. (5) Hỏi đáp liên quan đến tang lễ, viết bằng chữ Hán, có trích dẫn “Vương Thê Trinh bỏ đi”, Shimao Minoru suy đoán là *Gia lễ hoặc vấn tu tri* (Xem: Shimao Minoru 2010: 113), trang 39b-58a. (6) Hai loại tế lễ, “Ni nghi tiết” và “Kị nghi tiết”, trang 58a-63b. (7) Đề chủ nghi tiết và hình vẽ, trang 64a-65b.

So với *Tiếp kính gia lễ*, *Hồ Thượng thư gia lễ* có nhiều sáng tạo mới, thêm vào lời tựa, hỏi đáp, đồng thời đưa vào các loại lễ tế khác nhau, là một hệ thống độc lập với *Tiếp kính gia lễ*. Trong lời tựa của Chu Bá Đàng và Hồ Sĩ Dương mà Shimao Minoru ghi lại, Chu Bá Đàng viết, Đông các đại học sĩ Hồ Sĩ

³⁰ Hồ Thượng thư gia lễ quốc ngữ vấn đáp, cuộn phim có ghi “chụp lại từ bản chép tay của Viện Viễn Đông bác cổ”, Đông Dương văn khố, X-2-1280.

³¹ Bản lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm ký hiệu AB.592, bản lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm ký hiệu AB.175.

³² “Trung nguyên nghi tiết” trong *Hồ Thượng thư gia lễ* hết sức mang “tính Nho giáo”, về cơ bản gồm 3 hiến lễ là sơ hiến, á hiến và chung hiến.

³³ Mệnh quan triều đình khi nhận được ân sủng của hoàng đế hoặc được thăng chức, lấy giấy màu vàng để viết chiếu thư lên đó, sau đó đốt đi để thực hiện nghi lễ tế cáo gia miếu. Xem mục “phân hoàng” trong Từ điển quốc ngữ trùng biên bản tu đính trực tuyến của Bộ Giáo dục Đà Loan (Đài Loan – Trung Quốc), truy cập ngày 31/01/2025.

Dương xem tang lễ có sự giải thích của nhiều nhà, để tiện cho việc ứng dụng trong thực tiễn, mới chú giải *Gia lễ* và thêm ý riêng của mình, viết bằng chữ Nôm, lại phụ thêm phần hỏi đáp để giúp độc giả hiểu được ý nghĩa của nghi lễ. Lời tựa của Hồ Sĩ Dương cho biết, phiên dịch *Gia lễ* sang chữ Nôm, là để cho trăm họ cùng hậu học cũng có thể hiểu được *Gia lễ*, chứ không chỉ giới hạn trong số người hiền và tầng lớp học giả. Mặc dù dân chúng khi cha mẹ còn khỏe mạnh, không đọc đến các quan niệm về tang lễ, nhưng trên thực tế khi đứng trước cảnh cha mẹ qua đời mới vội vàng đọc *Gia lễ* thì không kịp, rốt cuộc sẽ bị cho là kẻ bất hiếu mà chịu tiếng cười chê. Để báo đáp ân tình của cha mẹ, thì trước khi xảy ra chuyện phải học tập sách về lễ. Bất luận có phải là học giả hay không, nếu như không đọc sách về lễ thì không thể nào nắm bắt được nghi lễ, vậy thì đối với trăm họ điều này lại càng khó khăn. Vì vậy, đọc giả phải bắt đầu với bản gia lễ quốc ngữ này, nếu như có chỗ muốn hiểu sâu sắc hơn, thì đọc bản chữ Hán để bổ trợ. Với những người không hề có chút hứng thú nào với bản gia lễ quốc ngữ, thì không nên tùy tiện phê bình bản gia lễ chữ Hán (Xem: Shimao Minoru 2010: 105).

Từ lời tựa, có thể thấy, Đông các đại học sĩ Hồ Sĩ Dương biên soạn *Hồ Thượng thư gia lễ* với hai mục đích, thứ nhất là lấy “gia lễ quốc ngữ” để phổ cập *Gia lễ*, đồng thời phản bác những người không hiểu nhưng lại phê phán *Gia lễ*. Hồ Sĩ Dương trở thành Đông các đại học sĩ vào khoa Đông các tháng 10 mùa đông năm 1659 (Năm Vĩnh Thọ thứ hai) (Xem: Trịnh Khắc Mạnh 2021: 64-85). Năm 1663, chúa Trịnh thúc đẩy việc

phổ biến “47 điều giáo hóa”, yêu cầu “Tang gia trong tiết Trung nguyên phải tuân theo *Gia lễ*, không được dựa vào có điều tang mà hát xướng, để cải cách những thói xấu, quay trở về với phong tục thuần phác. Kẻ nào dám làm trái sẽ bị quy trọng tội” (Trần Kinh Hòa 1992: 90-99). Niên đại hoàn thành của *Hồ Thượng thư gia lễ* không rõ, nhưng rất có thể được hoàn thành trong bối cảnh chúa Trịnh đang thúc đẩy việc phổ biến *Gia lễ* vào nửa sau thế kỷ XVII. đương thời, *Gia lễ, Tính lý đại toàn, Văn Công gia lễ nghi tiết, Gia lễ chính hành* đều đã có, nhưng các thuyết khó đọc, chữ Hán cũng khó đọc. Sự xuất hiện của *Hồ Thượng thư gia lễ* vào thời điểm đó là nỗ lực phổ cập *Gia lễ* trong giới tinh hoa. Mục đích thứ hai là lấy “hỏi đáp gia lễ” để hỗ trợ độc giả hiểu được nội hàm của nghi lễ, điều này thực ra đã vượt lên trên yêu cầu thực tiễn của sách hành lễ, thể hiện kỳ vọng vào việc phổ cập tri thức lễ học của giới tinh hoa. Phần “*Gia lễ vấn đáp*” trong *Hồ Thượng thư gia lễ* cũng có quan hệ mật thiết với *Gia lễ hoặc vấn*³⁴ trong số 13 trước tác gia lễ học của Việt Nam. Trong hơn 40 câu vấn đáp của bản *Hồ Thượng thư gia lễ* năm 1739, nhìn từ phương diện phong cách hành văn, có thể phân thành nửa trước gồm các câu từ 1 đến 15, và nửa sau tính từ câu thứ 16 trở đi. Nửa trước có một số điều rõ ràng được lấy từ “Vương Thế Trinh bỏ đi”, nửa sau bắt đầu (từ trang 43a) nhắc lại *Gia lễ hoặc vấn*. Nói tóm lại, *Hồ Thượng thư gia lễ* không phải là sách hành lễ đơn thuần, mà là sự phổ

³⁴ Lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam, nlvnpf-0590.

cập Gia lễ của tầng lớp tinh hoa, sự thử nghiệm kết hợp giữa nhà và tục.

3.4. Sách hành lễ đạt đến trình độ hoàn toàn thành thực: Thọ Mai gia lễ

Tác giả của Thọ Mai gia lễ là Hồ Gia Tân, hiệu Thọ Mai cư sĩ – chưa rõ năm sinh và năm mất. Theo Từ điển tác gia Hán Nôm Việt Nam, Hồ Gia Tân đỗ Hương tiến khoa Đinh Dậu năm 1777 (năm Cảnh Hưng thứ 38) (Xem: Trịnh Khắc Mạnh 2021: 69). Chúng ta có thể suy đoán rằng thời điểm ông sống cách xa so với niên đại của Hồ Thượng thư gia lễ. Di sản Hán Nôm Việt Nam thư mục đề yếu ghi lại có 21 bản in Thọ Mai gia lễ, nhưng không bao gồm Thọ Mai gia lễ trong bản in chung với Hồ Thượng thư gia lễ mà chúng tôi có nhắc đến ở trên, vì vậy đúng ra là có 22 bản. Bản này phần san ký ghi Gia Long năm thứ 11, tức là năm 1812, là bản in có niên đại sớm nhất được biết tới cho đến nay. Từ năm 1812 đến năm 1939, Thọ Mai gia lễ ít nhất đã có đến 22 bản in khác nhau³⁵, có thể nói là mật độ hết sức dày đặc, cho thấy giá trị thương mại rất lớn của cuốn sách này. Theo nghiên cứu của Vũ Việt Bằng, ít nhất có 14 thư phòng đã khắc in Thọ Mai gia lễ, trong đó có 11 thư phòng ở Hà Nội (Xem: Vũ Việt Bằng 2018: 442). Mặc dù số bản in rất nhiều, nhưng sự sai khác giữa các bản không lớn, điều đó cho thấy Thọ Mai gia lễ đã là sách hành lễ đạt đến độ thành thực, đáp ứng được yêu cầu của thị trường. Thọ Mai gia lễ sau khi được xuất bản, đã thay thế Tiệp kính gia lễ và Hồ Thượng thư gia lễ, trở thành sách hành lễ có ảnh hưởng rõ nét ở Việt Nam.

Bản Thọ Mai gia lễ năm 1812 không

phân chia chương tiết, căn cứ vào nội dung có thể phân chia thành mấy phần như dưới đây: (1) San ký, trang 66a. (2) Lời tựa bằng chữ Hán, trang 66b. (3) Tang lễ, từ “Tật bệnh thiên cư chính tằm” đến “đảm”, trang 67a-96a (không tính các trang khuyết). Giống với các sách hành lễ khác, cuốn sách này bỏ đi yêu cầu “không làm Phật sự”, thêm vào “các lễ Hạ tiết, Trung nguyên, Tuế trừ, Chung thất, Bách nhật” (trang 80a-81b). (4) Tế lễ, bao gồm “Cát kỵ nghi tiết”, “Cải táng”, “Khâm tặng phân hoàng nghi tiết”, tr.96b-99b. (5) Chế độ ngũ phục cửu tộc. (6) Phụ lục: Hôn lễ, lễ tiết tế thần, tế tơ hồng, dâng sao đầu năm, trăm nghề tế tiên sư, tế Thần Nông dịp thượng điền, hạ điền, cơm mới, cúng ông Táo, văn cúng đón tiễn năm cũ, năm mới, xem ngày giờ, cát hung³⁶.

Thọ Mai gia lễ có thể trở thành sách hành lễ có ảnh hưởng lớn, điều đó cho thấy nội dung của nó phù hợp với yêu cầu của độc giả hơn các sách hành lễ trước đó. Nét đặc sắc của Thọ Mai gia lễ thể hiện ở chỗ: Thứ nhất, sử dụng cùng lúc cả chữ Hán và chữ Nôm, nhưng chữ Nôm không phải được dùng để phiên dịch hoặc bổ sung cho phần chữ Hán, trong văn bản cuốn sách này, thường thấy hiện tượng các câu liền nhau được viết bằng cả chữ Hán và chữ Nôm, hoặc trong cùng một câu dùng cả chữ Hán

³⁵ Mục “Thọ Mai gia lễ” trong Kho tư liệu trực tuyến Việt Nam Hán Nôm văn hiến mục lục đề yếu do Viện Nghiên cứu Trung ương (Academia Sinica) xây dựng, truy cập ngày 01/02/2025.

³⁶ Các phần (3), (5), (6) vốn có chỗ khuyết thiếu, căn cứ vào bản Thọ Mai gia lễ năm 1920 của Phúc An Hiệu để bổ sung. Bản lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam nlvpnf-1297.

và chữ Nôm, chức năng của chữ Hán và chữ Nôm trong câu hoàn toàn tương đồng với nhau. *Thọ Mai gia lễ* bảo lưu tỷ lệ chữ Hán cao hơn, nhưng cũng có sự trộn lẫn giữa chữ Hán và chữ Nôm nhiều hơn, cho thấy trình độ đọc của độc giả; thứ hai, một lần nữa thu thập và ghi lại “Cửu tộc ngũ phục chế phục” vốn có trong *Tiếp kính gia lễ* nhưng không có trong *Hồ Thượng thư gia lễ*, phương thức giải thích cũng có sự tham khảo *Gia lễ chính hành* giống như *Tiếp kính gia lễ*; thứ ba, không ghi chép lại “Gia lễ vấn đáp” trong *Hồ Thượng thư gia lễ*; thứ tư, tăng thêm các giải thích và phụ lục mang tính chất “thoát Nho”; thứ năm, tăng thêm nhiều bài văn tế và câu đối. Theo Hồ Gia Tân, *Thọ Mai gia lễ* là sách về lễ mang tính giản ước, “lấy những điều cốt yếu mà lược bỏ những chỗ phiền phức trong cổ lễ, dùng làm nghi thức cho nhà mình”, độc giả nếu như không thỏa mãn với bản giản ước, “muốn cho lễ văn bóng bẩy chi tiết, thì các sách *Chu Văn*, *Hồ Thượng* có rất nhiều”. Quan điểm này cho thấy, trong lòng Hồ Gia Tân, *Gia lễ* và *Hồ Thượng thư gia lễ* thuộc về con đường của tầng lớp tinh hoa, có sự khác biệt so với *Thọ Mai gia lễ*, *Tiếp kính gia lễ*. *Thọ Mai gia lễ* gần gũi với *Tiếp kính gia lễ*, nhưng lại phê phán *Tiếp kính gia lễ* “không bàn đến cát hung, thực chưa nghiên cứu tường tận ý nghĩa lễ của Văn Công”³⁷, được xem là cuốn sách hành lễ vừa có tính giản ước, vừa chính xác hơn.

Sau khi *Thọ Mai gia lễ* được phổ cập, các trước tác gia lễ khác, bất kể là khen hay chê, cũng đều thường nhắc đến cuốn sách này. Điều đó cho thấy *Thọ Mai gia*

lễ đã chiếm một địa vị trung tâm về mặt văn bản trong gia lễ học ở Việt Nam. *Lê Quý Đôn gia lễ* tán thành và đánh giá cao *Thọ Mai gia lễ*, viết: “Cho nên Thọ Mai cư sĩ vốn đã tham khảo các sách, dựa trên sự tập hợp cổ lễ, châm chước thêm bớt, diễn ra quốc âm, theo tiết mà đưa vào tế văn, câu đối, thực là có công trong việc giúp hậu thế có thể thi hành lễ. Ta nay miệng đọc lòng nghĩ, chưa từng không khen ngợi hết lần này đến lần khác, ngay từ đầu chưa hề có một chút chê cười” (*Lê Quý Đôn gia lễ*, “Bảng nhân Lê Quý Đôn cần soạn thận thanh gia lễ tự”). Song, *Văn Công gia lễ tồn chân* của Đỗ Huy Uyển (1815-1882) và *Tử lễ lược tập* của Bùi Huy Tùng (1792-1862) lại phê phán *Thọ Mai gia lễ*. Đỗ Huy Uyển là danh thần triều Nguyễn, hành trạng của ông có thể đọc được trong quyển thứ 33, tập thứ hai Đại Nam thực lục chính biên liệt truyện (Đỗ Huy Uyển truyện), con trai của ông - Đỗ Huy Liệu (1844-1891) - cũng là danh thần, xuất thân là người đứng đầu khoa cử. *Văn Công gia lễ tồn chân* hoàn thành năm 1870, chữ “tồn chân” trong tên sách có ý nói rằng *Thọ Mai gia lễ* đang lưu hành phổ biến trong dân gian

³⁷ “Trung nguyên nghi tiết” trong *Tiếp kính gia lễ* (42ab) viết: “Nếu chưa mai táng, thì nghi tiết cũng giống với lễ cúng cơm”, ý nói lễ đối với người đã mất trong tiết trung nguyên cũng giống như lễ cúng cơm đối với người đã mất trước khi mai táng. Thọ Mai gia lễ tỏ ý không hài lòng với quan điểm này, cho rằng “theo lễ tục, khi chưa mai táng thì nghi tiết cũng giống với lễ cúng cơm. Sau lễ tốt khốc, thì lễ đã chuyển sang cát, nghi tiết cũng phải theo lễ tốt khốc, không thể giản lược. Lễ đã thuộc về cát, làm trái lại thì thành hung. Nếu như để lâu mà chưa mai táng, chưa thi hành lễ tốt khốc, thì nghi tiết cũng giống với lễ cúng cơm” (*Hồ Thượng thư gia lễ* (gồm Thọ Mai gia lễ): 80a-81b).

đã làm mất ý nghĩa chân chính của Chu Tử. Lời tựa của cuốn sách này phê phán: “*Văn Công gia lễ* tự có bản chính, cuốn sách này viết về lễ tang, tế đơn giản mà dễ thi hành, câu chữ không cần phải sửa đổi thêm bớt. Thời nhà Minh có Dương Thăng Am, Thân Các Lão lấy chú giải thêm vào, lấy nghi tiết để phát huy, vẽ rằn thêm chân, làm mất đi ý nghĩa chân thực của nó. Như những lời văn về tang phục, lễ tiết về đề chủ, thậm chí có chỗ không hợp lý, dân chúng vì vậy bắt đầu lo lắng về việc khó làm theo, mà tìm đến sách *Thọ Mai*. Than ôi! Sách *Thọ Mai* có văn khấn theo dạng câu đối, sự què mùa chẳng cần nói đến, đến nỗi không phân biệt cát hung, Nho Thích lẫn lộn, lại càng đi ngược lại lễ” (Đỗ Huy Uyên). Đỗ Huy Uyên phê phán gia lễ Minh – Thanh đã vẽ rằn thêm chân cho *Gia lễ*, đọc giả vì thế mới tìm đến *Thọ Mai gia lễ*; *Tứ lễ lược tập* của Bùi Huy Tùng lại phê phán gia lễ ở Việt Nam chỉ coi trọng việc tang, táng, đề xướng quay trở về với tứ lễ trong *Gia lễ*. Bài tựa *Tứ lễ trích tập* viết: “Bốn lễ quan, hôn, tang, tế là những nghi lễ quan trọng trong đạo làm người, nghi lễ của Chu Công quy định chi tiết, đầy đủ. *Gia lễ* của Chu phu tử vốn dựa vào đó, châm chước một hai điểm xưa, nay, hậu nhân không ai không làm theo. Nước Đại Nam ta vốn xưng là nước văn hiến, ngoài *Hồ Thượng thư* còn có cái gọi là *Thọ Mai*. *Thọ Mai* què mùa nông cạn, nơi làng xã ít học giả, người ta thấy lợi ở chỗ giản tiện mà làm theo, mà họ Hồ cũng không phải là đã đạt đến đỉnh cao” (Nguyễn Văn Lý: 2a-3b). Đỗ Huy Uyên và Bùi Huy Tùng phê phán *Thọ Mai gia*

lễ, chủ trương quay trở về với *Gia lễ* của Chu Tử. Nhưng, *Văn Công gia lễ tồn chân* và *Tứ lễ lược tập* chỉ có bản chép tay được lưu truyền, sức ảnh hưởng khó có thể so sánh với *Thọ Mai gia lễ*, *Gia lễ* của Chu Tử cũng không đủ để cạnh tranh với *Thọ Mai gia lễ*.

4. Kết luận

Mục đích của bài viết này là thông qua so sánh “sách hành lễ” của Việt Nam và Hàn Quốc để nghiên cứu về sự khác biệt trong phương thức truyền bá *Gia lễ* ở Việt Nam và Hàn Quốc, từ đó lý giải tính đa dạng của Nho học Đông Á. Sau khi khảo sát một cách cụ thể sách hành lễ ở Việt Nam và Joseon, chúng tôi rút ra 4 kết luận khái quát như sau:

Thứ nhất, việc hai nước Việt Nam, Hàn Quốc sau khi nhận được *Tính lý đại toàn* năm 1419, có tiến hành khắc in hay không, là điểm phân biệt quan trọng cho hình thái truyền bá *Gia lễ*. Ở Joseon, sau khi được ban *Tính lý đại toàn*, *Gia lễ* trong bản Đại toàn liền trở thành định bản và liên tục được khắc in, *Gia lễ* nhờ đó được phổ cập rộng rãi. Những trước tác liên quan của các nhà nho Hàn Quốc được định vị như là những công trình phụ trợ cho *Gia lễ*. Ở Việt Nam, sau khi được ban *Gia lễ* trong bản Đại toàn lại không tích cực khắc in, do vậy không được lưu hành phổ biến trong dân gian, vì vậy, sách hành lễ khi xuất hiện liền trở thành văn bản *Gia lễ* chủ yếu, đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc truyền bá *Gia lễ* ở Việt Nam.

Thứ hai, việc bản *Gia lễ* trong Đại toàn có được sử dụng hay không có ảnh hưởng đến hình thái căn bản của sách

hành lễ. Ở Joseon, vì đã có *Gia lễ* thuộc bản đại toàn, nên cần phải có sự gọi mở của *Văn Công gia lễ nghi tiết* mới có thể tiến hành tái cấu trúc văn bản. Ở Việt Nam, vì không có một định bản *Gia lễ*, nên không cần có sự đột phá, do đó, khi các sách gia lễ Minh - Thanh như *Văn Công gia lễ nghi tiết*, *Gia lễ chính hành*, v.v., truyền vào, thì cùng tồn tại bên cạnh các bản *Gia lễ* khác, khiến cho sách hành lễ có thể không chỉ sử dụng một bản gốc *Gia lễ* duy nhất. Ở đây, các bản được lựa chọn là các sách *Gia lễ* thông tục dưới thời Minh - Thanh.

Thứ ba, nhà nho Joseon Kim Jang-saeng vừa biên soạn sách hành lễ, vừa biên soạn sách nghiên cứu. Cả hai loại hình sách này đều thuộc về hoạt động biên soạn của tầng lớp tinh hoa, coi trọng việc lưu truyền tri thức lễ học, được khắc in trong bối cảnh hoạt động của các học phái và chính quyền địa phương, độc giả thuộc nhóm trí thức cao cấp, bao gồm các trọng thần và quốc vương. Ở Việt Nam chưa thấy có hiện tượng sách hành lễ và sách khảo chứng được biên soạn bởi cùng một tác giả, đa số sách hành lễ đều là các bản in của thư phòng, có nhu cầu nhận được sự yêu thích của độc giả. *Hồ Thượng thư gia lễ* bảo lưu được một phần tính chất tinh hoa của tác giả, *Tiếp kính gia lễ* và *Thọ Mai gia lễ* thì hoàn toàn thuộc về con đường thực dụng, rốt cuộc *Thọ Mai gia lễ* tiếp nhận phong tục trong nước và các nội dung thông tục có tính thoát Nho, trở thành sách hành lễ độc chiếm thị trường.

Thứ tư, phái Kỳ Hồ của Kim Jang-

saeng ở Joseon thuộc về “phái thời tục”, *Tang lễ bị yếu* tiếp thu thời tục, chịu sự phê phán của “phái cổ lễ” thuộc Lĩnh Nam học phái, đều thuộc về những thảo luận học thuật có tính cao nhã trong giới học thuật. Việt Nam không có sự phân biệt rõ ràng về mặt học phái, *Thọ Mai gia lễ* thuộc về loại hình văn bản thông tục bên ngoài giới học thuật, đối với tác phẩm này, giới học giả có khen có chê, nhưng đều có ý thức về sự tồn tại của nó, điều đó cho thấy *Thọ Mai gia lễ* được xem là văn bản có tính hạt nhân của *Gia lễ* ở Việt Nam.

(Người dịch: TS. Hoàng Minh Quân)

Tài liệu trích dẫn

1. Bành Lâm. 2009. “*Tang lễ bị yếu* của Kim Sa Khê và sự Joseon hóa *Gia lễ* của Chu Tử”. *Trung Quốc văn hóa nghiên cứu*, Quyền hạ.

2. Vũ Việt Bằng. 2018. “Nghiên cứu thư tịch Nôm có Hán văn ở Việt Nam: *Thọ Mai gia lễ* và hoạt động khắc in của nó”. Trong sách *Đông Á Hán tịch dữ Việt Nam Hán Nôm cổ từ thư nghiên cứu*, Hà Hoa Trân, Nguyễn Tuấn Cường chủ biên. Bắc Kinh: Viện Khoa học xã hội Trung Quốc.

3. Lê Phương Duy. 2012. *Khảo sát Tứ lễ lược tập của Bùi Huy Tùng*. Hà Nội: Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Hứa Di Linh. 2018. “Bàn về ý nghĩa của *Tính lý đại toàn* từ tầm nhìn Đông Á: Lấy sự lưu truyền ở Hàn Quốc và Việt Nam làm trung tâm”. *Trung Chính Hán học nghiên cứu*, 32.

5. Jang Dong-woo. 2010a. “Quá

trình thu dụng và phổ cập *Chu Tử gia lễ*: tập trung vào vấn đề mộc bản Đông truyền”. *Nghiên cứu quốc học*, 16.

6. Jang Dong-woo. 2010b. “Quá trình tiến triển của lễ học Joseon thông qua xem xét giải thích “gia lễ”. *Triết học phương Đông*, 34: 239-269.

7. Jang Dong-woo. 2018. “Đặc trưng và hàm ý của nghiên cứu “gia lễ” thời hậu kỳ Joseon thông qua xem xét hành lễ thư: Tập trung vào *Tứ lễ tiện lãm* và *Gia lễ tập yếu*”. *Nghiên cứu quốc học*, 36.

8. Jang Dong Woo. 2023. “Khảo sát về mộc bản sách *Tang lễ bị yếu*”. *Nghiên cứu Văn hóa dân tộc*”, 100.

9. Jeong Jung-gi, “Tang lễ tập yếu tự”. Trong sách *Hàn Quốc văn tập tùng san 67*: Mai Sơn tiên sinh văn tập, quyển 9.

10. Lee Bong-kyu. 2005. “Lễ luận của Thực học – tập trung vào lễ luận của học phái Tinh Hồ”. *Lịch sử tư tưởng Hàn Quốc*, 24.

11. Lee Mun-ju. 2010. “Nghiên cứu về quá trình lưu hành tại Joseon của *Chu Tử gia lễ* và các sách giải thích gia lễ”. *Nghiên cứu văn hóa Nho giáo*, 16.

12. Lưu Bách Hoàng. 2022. “Quan kiến về tình hình nghiên cứu gia lễ học Việt Nam và thử phân tích ý nghĩa của nó”. *Nho học quốc tế (bản tiếng Trung và tiếng Anh)*, 3.

13. Lưu Ngọc Quận. 2007. *Nghiên cứu văn hiến học về cổ tịch Hán Nôm ở Việt Nam*. Bắc Kinh: Trung Hoa Thư cục.

14. Trịnh Khắc Mạnh. 2021. *Từ điển tác gia Hán Nôm Việt Nam*. Tân Bắc: Nxb. Ainosco.

15. Shimao Minoru. 2010. “Văn hóa dân gian và gia lễ của Việt Nam”.

Trong *Con người và văn hóa của họ qua góc nhìn của các nhà văn châu Á*, Eishi Yamamoto biên tập. Tokyo: Viện Ngôn ngữ và Văn hóa Đại học Keio.

16. Song Chun-gil. “Thượng Sa Khê Kim Trường Sinh”. Trong sách *Hàn Quốc văn tập tùng san 107*: Đồng Xuân Đường tiên sinh biệt tập, quyển 1.

17. Trần Ích Nguyên. 2011. *Việt Nam Hán tịch văn hiến thuật luận*. Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục.

18. Trần Kinh Hòa. 1992. “Về 47 điều luật giáo hóa triều Lê”, *Nghiên cứu Châu Á* Đại học Soka, 13.

19. Vương Hồng Thái. 2016. “Đạo của thánh vương: Văn hóa chính trị và chính trị văn hóa của Minh Thành Tổ”. *Thái Đại Lịch sử Học báo*, 57.

20. Đỗ Huy Uyển. *Văn Công gia lễ tồn chân*. Bản lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu VHv.272.

21. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 41, 14b, tháng 7 năm Cảnh Hưng thứ 12 (1751). Bản lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam, ký hiệu R.253.

22. Kim Jang-saeng. *Tang lễ bị yếu*. Bản lưu tại Tàng thư các Viện Nghiên cứu Hàn Quốc học Trung ương, mã số K1-116. 3a-3b

23. Hong Seok-mo. 1911. Đông quốc tuế thời ký. Triều Tiên quan văn hội khắc in. Thành thư năm 1849.

24. *Hồ Thượng thư gia lễ* (bao gồm *Thọ Mai gia lễ*). Bản lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu AB.592

25. Nguyễn Văn Lý. *Tứ lễ lược tập*. Bản lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu VHv.1166.

26. *Lê Quý Đôn gia lễ*. Bản lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu VHv.271.